

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-VCB-HĐQT ngày tháng
năm 2019 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này phải tuân theo quy định về bảo mật của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Số:/QĐ-VCB-HĐQT

Hà Nội, ngàytháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số .../TN...../NQ-ĐHĐCĐ của ngày .../.../.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .../.../2019 và thay thế Quyết định số .../QĐ-HĐQT.TKHĐQT ngày .../.../... của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện và Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc/Tổng Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PC.

Nghiêm Xuân Thành

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ... / QĐ-VCB-HĐQT ngày tháng ...
Năm ... của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

MỤC LỤC

Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 2. Đối tượng áp dụng	5
Điều 3. Giải thích từ ngữ	5
Điều 4. Áp dụng văn bản	6
Chương II - CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	6
Điều 5. Hội đồng quản trị	6
Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị.....	6
Điều 7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	7
Chương III - QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	7
Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ và các cuộc họp khác.....	10
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	11
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Chương IV - ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	14
Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 13. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị	15
Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Chương V - THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17
Điều 16. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	17
Điều 17. Vai trò và nhiệm vụ Ủy ban quản lý rủi ro	18
Điều 18. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban Nhân sự	19
Điều 19. Bộ phận Thư ký Ngân hàng giúp việc cho Hội đồng quản trị	19
Điều 20. Người phụ trách quản trị Ngân hàng	19
Chương VI - TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị	22
Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	22
Điều 24. Họp Hội đồng quản trị bằng hình thức trực tuyến	22
Điều 25. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	24
Chương VII - CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25

Điều 28.	Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29.	Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	25
Điều 30.	Phân cấp, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	26

Chương VIII - MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .27

Điều 31.	Nguyên tắc phối hợp trong công tác	27
Điều 32.	Mối quan hệ với Ban kiểm soát	27
Điều 33.	Mối quan hệ với Ban điều hành	27
Điều 34.	Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 35.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	29

Chương IX - TỔ CHỨC THỰC HIỆN..... 30

Điều 36.	Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	30
----------	--------------------------------------	----

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/ QĐ-VCB-HĐQT ngày tháng
năm 2018 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát.
2. Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện và Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc/Tổng Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
3. Cá nhân, đơn vị có liên quan và hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

- Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- HĐQT là Hội đồng quản trị Ngân hàng.
- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là Người điều hành của Ngân hàng và không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông nước ngoài đề cử tham gia Hội

đồng quản trị Ngân hàng, thành viên độc lập của Hội đồng quản trị Ngân hàng.

- Người phụ trách quản trị Ngân hàng là người do HĐQT bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng (Điều lệ Ngân hàng).

Điều 4. Áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định có liên quan của pháp luật và quy định tại Điều lệ Ngân hàng được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và quy định mới của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. HĐQT phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành.

Chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

3. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Điều 7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Chương III

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Trình Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật;

b) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông gồm:

(i) Định hướng phát triển của Ngân hàng;

(ii) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;

(iii) Tăng, giảm vốn điều lệ của Ngân hàng;

(iv) Các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

(v) Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;

(vi) Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả và mức cổ tức tạm thời hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

(vii) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

- (viii) Tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng;
- (ix) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 Điều lệ Ngân hàng;
 - c) Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền;
 - d) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;
 - e) Quyết định việc mua lại cổ phần theo Điều 18 Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật;
 - f) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, trừ các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;
 - g) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán, chuyển nhượng tài sản của Ngân hàng có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng hoặc một tỷ lệ khác có giá trị đến dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - h) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Điều lệ Ngân hàng;
 - i) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - j) Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng đầu tư vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;
 - k) Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc hoặc khi HĐQT thấy cần thiết;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, Công ty con của Ngân hàng;
 - m) Phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị;

n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng;

o) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Giám đốc và Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Thư ký Ngân hàng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty con của Ngân hàng, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp, Giám đốc Trung tâm tại Trụ sở chính và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trên cơ sở quy định nội bộ do HĐQT ban hành;

p) Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông;

q) Quyết định, ban hành chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;

r) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;

s) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong các việc sau:

(i) Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

(ii) Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định có liên quan của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

t) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính;

u) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

v) Ban hành văn bản dưới hình thức phù hợp để giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, khi thấy cần thiết;

w) Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật;

x) Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ).

y) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT còn có trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng; trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng;

c) Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng;

d) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Ngân hàng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ và các cuộc họp khác

1. HĐQT tổ chức cuộc họp định kỳ để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề dưới đây thuộc thẩm quyền của HĐQT:

a) Các vấn đề mà HĐQT phải trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 Điều lệ Ngân hàng.

b) Phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng có thời hạn từ 1 năm trở lên.

c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng.

d) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán, chuyển nhượng tài sản của Ngân hàng có giá trị trên 15% đến dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

e) Quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị trên 15% đến dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

f) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành trụ sở chính và công ty con của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT.

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng.

h) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

j) Tiến hành đánh giá hàng năm hiệu quả hoạt động của HĐQT, các ủy ban của HĐQT và từng thành viên của HĐQT.

k) Tiến hành đánh giá hàng năm về hiệu quả hoạt động của Tổng Giám đốc.

l) Các vấn đề khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần phải trình HĐQT thông qua.

2. HĐQT giao Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và các thành viên HĐQT chuyên trách tổ chức các cuộc họp khác của HĐQT để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề khác còn lại thuộc thẩm quyền của HĐQT, ngoại trừ các vấn đề tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.

3. Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp của HĐQT hoặc để lấy ý kiến của các thành viên HĐQT; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của HĐQT.

4. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định của HĐQT; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.

5. Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

6. Đảm bảo rằng các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.

7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

8. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ.

9. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

10. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các uỷ ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

11. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên độc lập khác của HĐQT.

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng và cổ đông;

c) Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Ban điều hành, Người điều hành khác, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

d) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;

e) Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ Ngân hàng;

f) Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

h) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp,

trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình;

i) Thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật. Thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch HĐQT;

j) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng.

k) Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

l) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

m) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc.

n) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Ngoài quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thành viên HĐQT còn có các trách nhiệm như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

c) Thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính mình hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật;

d) Không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng;

e) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

4. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của thành viên HĐQT là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Chương IV

ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.

c) Có bằng đại học trở lên.

d) Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

e) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.

2. Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, trừ các khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 13. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên HĐQT không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Ngân hàng.

3. Chủ tịch HĐQT phải là thành viên HĐQT không điều hành và không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng.

4. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là:

a) Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc

(Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng;
- c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên HĐQT đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
- d) Không còn là người đại diện phân vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT;
- d) Không bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập đối với thành viên độc lập HĐQT;
- e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Bị các cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên HĐQT;

g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.

5. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo quy định của pháp luật.

6. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Chương V

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. HĐQT thành lập các Ủy ban sau:

- a) Ủy ban quản lý rủi ro;
- b) Ủy ban nhân sự;
- c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.

Việc thành lập các Ủy ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập HĐQT được cử tham gia Ủy ban.

3. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên HĐQT và được HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. HĐQT bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập HĐQT là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của HĐQT, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của HĐQT và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước HĐQT.

4. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:

a) HĐQT ra quyết định thành lập các Ủy ban. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, HĐQT có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.

b) Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Một thành viên HĐQT chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban Quản lý Rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập HĐQT.

c) HĐQT, khi thành lập các Ủy ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo.

d) Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban do HĐQT ban hành.

Điều 17. Vai trò và nhiệm vụ Ủy ban quản lý rủi ro

1. Đề xuất, tham mưu cho HĐQT trong các việc sau:

a) Ban hành các quy chế, quy trình, quy định, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

b) Giám sát Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các

yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

2. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

3. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy chế, quy trình, quy định, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy chế, quy trình, quy định, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

4. Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.

Điều 18. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban Nhân sự

1. Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.

2. Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, công tác quy hoạch cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

3. Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ, nhân viên của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 19. Bộ phận Thư ký Ngân hàng giúp việc cho Hội đồng quản trị

1. Bộ phận Thư ký Ngân hàng là bộ phận chuyên trách giúp việc cho HĐQT. HĐQT quyết định lựa chọn, bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Bộ phận Thư ký Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Thư ký Ngân hàng do HĐQT quy định.

Điều 20. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT;
- g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Chương VI

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi tháng 01 (một) lần và họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT triệu tập. Chương trình nghị sự của cuộc họp định kỳ, thời gian và địa điểm họp phải được thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

3. Người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT là một trong những người sau đây:

a) Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian Chủ tịch HĐQT vắng mặt. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản và phải thông báo cho các thành viên còn lại của HĐQT và Tổng giám đốc biết.

b) Thành viên HĐQT được các thành viên còn lại của HĐQT bầu tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số trong trường hợp người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT tại điểm a khoản 3 Điều này vắng mặt hoặc không thể làm việc được.

4. Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp song ít nhất phải bao gồm các vấn đề sau (áp dụng đối với các phiên họp HĐQT định kỳ):

a) Chủ tịch HĐQT báo cáo các công việc đã thực hiện của HĐQT giữa hai kỳ họp định kỳ;

b) Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng đồng thời đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong thời gian tiếp theo;

c) Trưởng Ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát, cảnh báo đối với hoạt động của Ngân hàng;

d) Người đứng đầu các Ủy ban báo cáo tình hình hoạt động của Ủy ban và các vấn đề khác có liên quan.

5. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng.

6. Thành phần mời tham dự họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định song ít nhất bao gồm các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành trên cơ sở triệu tập của Chủ tịch HĐQT hoặc của người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT có thể mời thêm một số thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp của HĐQT để xem xét giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT tại các cuộc họp giữa hai kỳ họp định kỳ theo quy định của Điều 9 Quy chế này.

Khi tham dự cuộc họp của HĐQT, các thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như nêu tại Điều 46, Điều 49 Điều lệ Ngân hàng. Các thành viên khác không phải là thành viên HĐQT được mời tham dự cuộc họp của HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

2. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3. Thông báo họp HĐQT được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng.

Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT dự họp.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp HĐQT theo quy định, cuộc họp HĐQT phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 24. Họp Hội đồng quản trị bằng hình thức trực tuyến

1. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên HĐQT đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham dự phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

2. Việc thảo luận giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT có mặt hoặc địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

3. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 25. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị

Ngoài các quy định tại Điều 49 Điều lệ Ngân hàng, trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp HĐQT được thực hiện như sau:

a) Bộ phận Thư ký Ngân hàng chịu trách nhiệm chuẩn bị toàn bộ nội dung tài liệu cuộc họp, trình Chủ tịch HĐQT thông qua và gửi đến các thành viên dự họp theo quy định.

b) Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ cuộc họp theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan tại Điều lệ Ngân hàng.

c) Mọi cuộc họp HĐQT phải được Bộ phận Thư ký Ngân hàng lập biên bản cuộc họp có nội dung như quy định tại khoản 1 Điều 51 Điều lệ Ngân hàng, phản ánh trung thực, khách quan diễn biến cuộc họp và kết luận của cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được các thành viên HĐQT hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp thông qua, ký tên đầy đủ và là cơ sở để HĐQT ra nghị quyết, quyết định. Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, thành viên HĐQT được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong nội dung biên bản. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

d) Trường hợp Người phụ trách quản trị Ngân hàng kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng phối hợp cùng Bộ phận Thư ký Ngân hàng thực hiện những nội dung quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều này.

Điều 26. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ Ngân hàng theo nguyên tắc đa số thành viên dự

hợp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền.

2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường có giá trị hiệu lực như các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp định kỳ và chỉ được thông qua khi có đa số các thành viên dự họp là thành viên HĐQT biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường phải được thông báo lại cho các thành viên HĐQT còn lại biết tại cuộc họp định kỳ gần nhất của HĐQT.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Bộ phận Thư ký Ngân hàng chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng; mục đích lấy ý kiến; họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT; vấn đề cần lấy ý kiến; phương án biểu quyết; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng.

4. Bộ phận Thư ký Ngân hàng tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định.

5. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT được lấy ý kiến biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được thành viên HĐQT trả lời (có chữ ký của thành viên HĐQT), biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

7. Để kịp thời giải quyết các trường hợp cấp bách thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường, Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành việc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản theo một trong hai cách sau:

a) Thành viên HĐQT ghi trực tiếp ý kiến của mình trên phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

b) Thành viên HĐQT ghi trực tiếp ý kiến của mình trên nội dung tờ trình từng vấn đề của Ban điều hành.

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị hiệu lực như quyết định được thông qua tại cuộc họp bất thường của HĐQT với điều kiện quyết định đó được đa số các thành viên HĐQT được lấy ý kiến tán thành.

Chương VII

CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể và trình Chủ tịch HĐQT.

2. Kết thúc đợt công tác, các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT kết quả đợt công tác.

Điều 29. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Chi phí hoạt động của HĐQT, kể cả tiền lương và phụ cấp cho các thành viên HĐQT và bộ phận giúp việc của HĐQT được tính vào chi phí của Ngân hàng.

2. Thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

3. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Khối, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng các Phòng/Ban tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và Giám đốc/Tổng Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định, các cơ chế, quy chế của HĐQT đều sao gửi đến Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.

5. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các phòng, ban, trung tâm, khối tại trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

6. Văn phòng Ngân hàng có trách nhiệm chuyển và nhận tất cả các công văn, tài liệu của HĐQT. Mọi văn bản, tài liệu từ bên ngoài gửi tới Ngân hàng đều phải sao gửi HĐQT để biết và chỉ đạo giải quyết.

Điều 30. Phân cấp, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT phân cấp, giao nhiệm vụ có phạm vi, nội dung, hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Việc phân cấp, giao nhiệm vụ được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp không được HĐQT phân cấp, giao nhiệm vụ thì phạm vi, nội dung, hạn mức tối đa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng là mức cao nhất do pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ Ngân hàng quy định.

2. Việc phân cấp, giao nhiệm vụ trong một số trường hợp được thực hiện như sau:

a) Quyết định phân cấp, giao nhiệm vụ về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định: thực hiện theo Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trong hệ thống Ngân hàng và Quy chế tài chính của Ngân hàng do HĐQT ban hành và theo các nghị quyết, quyết định có liên quan của HĐQT;

b) Quyết định phân cấp, giao thực hiện các hợp đồng liên quan tới hoạt động cấp tín dụng, hoạt động huy động vốn được thực hiện theo Quy chế tài chính, các quy định có liên quan của Ngân hàng do HĐQT ban hành và các quy định có liên quan của pháp luật;

c) Quyết định về công tác cán bộ: thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ, các quy định khác có liên quan của Ngân hàng do HĐQT ban hành;

d) Các nội dung phân cấp, giao nhiệm vụ khác được thực hiện theo các quy định có liên quan của HĐQT.

3. HĐQT quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng và phê duyệt đề Tổng Giám đốc giao kế hoạch kinh doanh hàng năm cho từng đơn vị thành viên Ngân hàng.

Chương VIII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Ngân hàng.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 32. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời, có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

2. Chủ tịch HĐQT bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

4. HĐQT bảo đảm tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

Điều 33. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. HĐQT quyết định cơ cấu Ban điều hành, phê duyệt đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phân công nhiệm vụ đối với các chức danh Phó Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc ký văn bản phân công trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Ngân hàng. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Ngân hàng thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

4. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Ngân hàng.

5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì.

6. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

7. Ban điều hành và Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

8. Hàng quý, HĐQT tổ chức họp với Ban điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quý; trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thực hiện.

9. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành và Người điều hành khác phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 34. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 35. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.
- b) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- c) Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có).
- d) Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT.
- e) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác.
- f) Các kế hoạch trong tương lai.

2. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập HĐQT có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chương IX
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Xuân Thành